

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**



**TÔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9



# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh**

Số 4103003829

Đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2005.

**Giấy chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp  
Công ty Cổ phần**

Số 0301479273 ngày 4 tháng 6 năm 2014

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Bốn  
Ông Đinh Văn Dĩnh  
Ông Đỗ Văn Thanh  
Ông Bùi Tuấn Anh  
Ông Fong Nyuk Loon

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Thanh  
Ông Bùi Tuấn Anh  
Ông Phạm Thanh Minh  
Ông Ngô Ngọc Thường  
Ông Trương Việt Phương

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2014)

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Đỗ Văn Thanh

Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Lầu 10, Tòa nhà PV Gas  
673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

014:  
IG CC  
IN TI  
AU  
ONG  
3 PI  
TP.

1  
/

## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 3 tháng 4 năm 2015



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 3 tháng 4 năm 2015. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

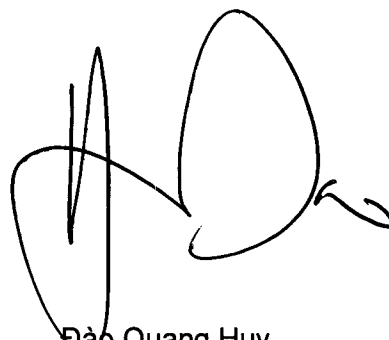
### Các vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 25 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Tuy nhiên đối với báo cáo kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đơn vị kiểm toán có lưu ý về khoản nợ tiềm tàng.

### Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quản lý Kinh Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Đào Quang Huy  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1895-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4681  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 4 năm 2015

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>565.768.021.173</b>	<b>511.143.388.006</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>152.822.969.935</b>	<b>24.094.135.451</b>
111	Tiền		146.706.643.457	24.094.135.451
112	Các khoản tương đương tiền		6.116.326.478	-
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>342.725.555.020</b>	<b>442.430.086.602</b>
131	Phải thu khách hàng	4	108.952.507.413	70.802.067.027
132	Trả trước cho người bán		15.390.626.214	14.878.832.600
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	5	198.295.112.953	337.104.985.516
135	Các khoản phải thu khác	6	21.962.409.377	19.795.395.778
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.875.100.937)	(151.194.319)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>20.845.530.740</b>	<b>2.010.443.422</b>
141	Hàng tồn kho	7	20.845.530.740	2.010.443.422
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>49.373.965.478</b>	<b>42.608.722.531</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.426.819.223	7.491.740.674
152	Thuế GTGT được khấu trừ		6.144.251.751	7.032.729.085
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	34.802.894.504	28.084.252.772
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>210.550.015.247</b>	<b>216.326.782.023</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>7.223.218.007</b>	<b>9.641.662.056</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	3.788.373.438	4.282.863.424
222	Nguyên giá		19.220.228.173	18.262.933.082
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.431.854.735)	(13.980.069.658)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	3.434.844.569	5.358.798.632
228	Nguyên giá		12.005.548.530	11.861.548.530
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.570.703.961)	(6.502.749.898)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>193.008.816.406</b>	<b>193.008.816.406</b>
251	Đầu tư vào công ty con	10	41.415.600.000	41.415.600.000
258	Đầu tư dài hạn khác	11	153.334.600.000	153.334.600.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10	(1.741.383.594)	(1.741.383.594)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.317.980.834</b>	<b>13.676.303.561</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	10.179.980.834	13.538.303.561
268	Tài sản dài hạn khác		138.000.000	138.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>776.318.036.420</b>	<b>727.470.170.029</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

0301  
TỔNG  
VẤN  
DẤU  
CÓN  
CỔ  
ĐỀ-T

11/11/2014

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

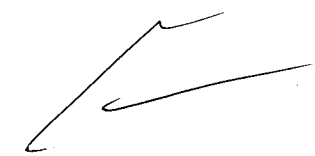
Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>462.608.981.222</b>	<b>433.267.874.628</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>451.189.433.694</b>	<b>418.677.880.770</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	197.420.832.502	148.789.576.069
312	Phải trả người bán	14	131.269.553.414	80.329.846.621
313	Người mua trả tiền trước		26.790.013.208	16.848.004.601
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.103.465.305	822.578.259
315	Phải trả người lao động		16.919.420.216	21.489.697.377
316	Chi phí phải trả	16	55.533.502.576	113.951.077.069
319	Các khoản phải trả khác	17	14.760.597.826	24.275.249.124
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	2.800.771.675	11.255.575.428
323	Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.591.276.972	916.276.222
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>11.419.547.528</b>	<b>14.589.993.858</b>
333	Phải trả dài hạn khác		169.547.528	339.993.858
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	11.250.000.000	14.250.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>313.709.055.198</b>	<b>294.202.295.401</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>313.709.055.198</b>	<b>294.202.295.401</b>
411	Vốn cổ phần	19,20	250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	11.421.558.415	11.421.558.415
413	Vốn khác của chủ sở hữu	20	1.600.295.812	1.600.295.812
417	Quỹ đầu tư phát triển	20	6.902.424.923	6.902.424.923
418	Quỹ dự phòng tài chính	20	9.033.581.001	8.231.242.304
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	34.751.195.047	16.046.773.947
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>776.318.036.420</b>	<b>727.470.170.029</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

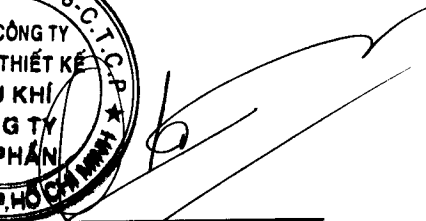
Khoản tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 39.226 đô la Mỹ (2013: 197.893 đô la Mỹ).



Lê Quang Thắng  
Người lập



Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng

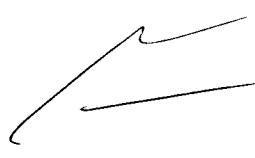
Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 3 tháng 4 năm 2015


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.



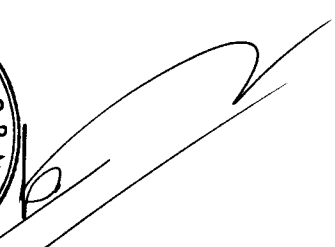
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12		
		2014 VNĐ	2013 VNĐ	
01	Doanh thu	21(a)	572.099.481.864	425.428.387.426
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần		572.099.481.864	425.428.387.426
11	Giá vốn	22	(486.429.521.383)	(346.885.487.454)
20	Lợi nhuận gộp		85.669.960.481	78.542.899.972
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21(b)	1.053.642.632	1.945.510.255
22	Chi phí tài chính	23	(16.895.709.570)	(10.790.642.881)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(16.895.091.935)	(10.728.929.461)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(50.263.786.089)	(50.112.174.572)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		19.564.107.454	19.585.592.774
31	Thu nhập khác	25	9.063.490.167	1.526.246.793
32	Chi phí khác		(17.493.211)	(527.174.307)
40	Lợi nhuận khác – số thuần		9.045.996.956	999.072.486
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.610.104.410	20.584.665.260
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(6.358.909.363)	(4.537.891.313)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.251.195.047	16.046.773.947

  
Lê Quang Thắng  
Người lập

  
Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



  
Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 3 tháng 4 năm 2015

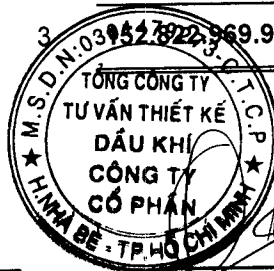
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	28.610.104.410	20.584.665.260
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	3.577.064.562	3.938.786.358
03	Các khoản dự phòng	1.723.906.618	(41.650.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.050.033.554)	(1.953.692.073)
06	Chi phí lãi vay	16.895.091.935	10.728.929.461
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	49.756.133.971	33.257.038.506
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	92.150.460.566	(103.796.663.898)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(18.835.087.318)	385.863.582
11	Giảm các khoản phải trả	(13.049.628.849)	(20.066.562.502)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	2.504.518.756	(3.834.333.277)
13	Tiền lãi vay đã trả	(16.784.675.984)	(10.697.031.117)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.372.122.387)	(6.116.555.588)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	802.338.697	169.880.436
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(250.000.000)	(138.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	87.921.937.452	(110.836.363.858)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(1.239.895.091)	(1.710.947.354)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ	-	8.181.818
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng và lợi nhuận được chia	1.050.033.554	205.510.255
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(189.861.537)	(1.497.255.281)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn nhận được	342.441.068.519	190.799.636.071
34	Chi trả nợ gốc vay	(293.809.812.086)	(82.452.135.623)
36	Cổ tức đã trả	(7.634.497.864)	(12.243.681.075)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40.996.758.569	96.103.819.373
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	128.728.834.484	(16.229.799.766)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 24.094.135.451	40.323.935.217
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 152.782.969.935	24.094.135.451

Lê Quang Thắng  
Người lập

Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh  
Giám đốc  
Ngày 3 tháng 4 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết số 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên của Petro Việt Nam, Tổng Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là hoạt động tư vấn, quản lý, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về vấn đề tài chính kế toán); khai thác hoạt động các dự án dầu khí và các dự án xây dựng khác; khảo sát xây dựng, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có 3 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE (“PMC”);
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE (“SC”); và
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu Khí (“PCIC”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có 372 nhân viên (2013: 392 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng**

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

33014  
TỔNG C  
/ VẤN  
DẦU  
CÔN  
CỔ P  
TE - TP

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tổng Công ty.

**2.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày kết thúc niên độ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

**2.9 Đầu tư****(a) Đầu tư vào công ty con**

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(b) Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tổng Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**2.10 Tài sản cố định***Tài sản cố định hữu hình và vô hình*

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Phần mềm	5 - 8 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Thuê tài sản hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.12 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

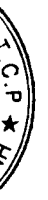
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ hợp đồng tương ứng là doanh thu và chi phí. Tổng Công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm tài chính. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối kỳ. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

### 2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.14 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(c) Doanh thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng**

Doanh thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với phần công việc đã hoàn thành, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng công việc phải cung cấp.

**(d) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(e) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

3014  
CÔNG  
VẤN T  
DẦU  
CÔNG  
ĐỒ P  
TP**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.16 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi.

**2.18 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn cổ phần.

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ





**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.19 Chia cổ tức**

Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

**2.20 Trích lập các quỹ**

Quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền mặt	13.977.921.660	7.166.467.053
Tiền gửi ngân hàng	132.728.721.797	16.927.668.398
Các khoản tương đương tiền	6.116.326.478	-
	<u>152.822.969.935</u>	<u>24.094.135.451</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	61.490.686.895	29.604.428.479
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	47.461.820.518	41.197.638.548
	<u>108.952.507.413</u>	<u>70.802.067.027</u>

**5 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

Các khoản phải thu theo tiến độ chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến các dịch vụ tư vấn thiết kế và khảo sát mà Tổng Công ty đã thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, nhưng chưa xuất hóa đơn.

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	15.951.196.107	13.213.870.350
Phải thu tiền ký quỹ thuê văn phòng	2.659.600.882	2.659.600.882
Khác	3.351.612.388	3.921.924.546
	<u>21.962.409.377</u>	<u>19.795.395.778</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>
Công cụ, dụng cụ trong kho	-	12.493.529
Chi phí SXKD dở dang	20.845.530.740	1.997.949.893
	<u>20.845.530.740</u>	<u>2.010.443.422</u>

**8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản tạm ứng lương và tạm ứng các khoản chi phí cho nhân viên để thực hiện các dự án của Tổng Công ty mà chưa hoàn thành và chưa được hoàn ứng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09 – DN

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4.428.220.997	4.177.587.531	5.351.709.242	4.305.415.312	18.262.933.082
Mua trong năm	-	-	-	1.095.895.091	1.095.895.091
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(138.600.000)	(138.600.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.428.220.997	4.177.587.531	5.351.709.242	5.262.710.403	19.220.228.173
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	3.676.550.663	4.044.266.262	4.183.574.711	2.075.678.022	13.980.069.658
Khấu hao trong năm	222.521.604	39.191.979	416.825.971	830.570.945	1.509.110.499
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(57.325.422)	(57.325.422)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.899.072.267	4.083.458.241	4.600.400.682	2.848.923.545	15.431.854.735
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	751.670.334	133.321.269	1.168.134.531	2.229.737.290	4.282.863.424
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	529.148.730	94.129.290	751.308.560	2.413.786.858	3.788.373.438

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9,7 tỷ đồng (2013: 8,3 tỷ đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	11.861.548.530
Mua trong năm	144.000.000
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	12.005.548.530
	<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	6.502.749.898
Khấu hao trong năm	2.067.954.063
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8.570.703.961
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.358.798.632
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.434.844.569
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1,98 tỷ đồng (2013: 1,8 tỷ đồng).

10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Công ty	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	2014 VNĐ	2013 VNĐ
PMC	Tư vấn quản lý dự án	91,46	18.000.000.000	18.000.000.000
SC	Kiểm định và dịch vụ kỹ thuật	86,75	12.000.000.000	12.000.000.000
PCIC (*)	Xây dựng công trình dân dụng và chuyên dụng	44,39	11.415.600.000	11.415.600.000
			<hr/>	<hr/>
			41.415.600.000	41.415.600.000
			<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Tổng Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính của PCIC và hoạt động theo quy chế thoả thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và năm 2013, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PCIC là 1.741.383.594 đồng do kết quả kinh doanh lỗ của PCIC từ năm 2012.

**11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“BCC”) từ năm 2009 giữa Tổng Công ty với các bên gồm Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần (“PV Gas”), nhà điều hành cao ốc, và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long, để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower (“Dự án”) với tổng mức đầu tư là 827 tỷ đồng. Chi tiết khoản đầu tư vào Dự án của Tổng Công ty như sau:

	Cam kết góp vốn theo hợp đồng		Số vốn thực góp	
	VND	%	2014 VND	2013 VND
Dự án	<u>165.400.000.000</u>	<u>20</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>153.334.600.000</u>

Sau khi Dự án hoàn thành, Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng với PV Gas để thuê lại một phần cao ốc sử dụng làm văn phòng cho Tổng Công ty và các công ty con với giá thuê thỏa thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty phát sinh một khoản nợ tiềm tàng liên quan đến Dự án này (Thuyết minh 31).

Tổng Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh để thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 13).

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2014 VND	2013 VND
Chi phí trang trí nội thất và sửa chữa văn phòng (*)	8.808.767.950	11.745.023.934
Các khoản khác	1.371.212.884	1.793.279.627
	<u>10.179.980.834</u>	<u>13.538.303.561</u>

(\*) Chi phí trang trí nội thất và sửa chữa văn phòng được phân bổ trong vòng 96 tháng.

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số đầu năm	13.538.303.561	14.681.279.919
Tăng trong năm	861.635.085	194.508.200
Giá trị còn lại của TSCĐ chuyển sang	81.274.578	2.115.288.401
Phân bổ trong năm	<u>(4.301.232.390)</u>	<u>(3.452.772.959)</u>
Số cuối năm	<u>10.179.980.834</u>	<u>13.538.303.561</u>

**13 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay và nợ ngắn hạn**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Vay ngắn hạn ngân hàng	194.420.832.502	145.789.576.069
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>197.420.832.502</u>	<u>148.789.576.069</u>

Vay ngắn hạn từ một ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa là 250 tỷ đồng chịu lãi suất từ 8% đến 9,5%/năm.

**(b) Vay dài hạn**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Vay dài hạn ngân hàng	14.250.000.000	17.250.000.000
Trừ: các khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
	<u>11.250.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>

Vay dài hạn từ một ngân hàng thương mại chịu lãi suất 11,8%/năm và được thanh toán trước ngày 1 tháng 9 năm 2019.

Tổng Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 11).

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	32.101.728.782	19.507.000.427
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	99.167.824.632	60.822.846.194
	<u>131.269.553.414</u>	<u>80.329.846.621</u>

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.483.348.350	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	2.269.444.178	442.674.941
Thuế thu nhập cá nhân	349.693.577	378.924.118
Các loại thuế khác	979.200	979.200
	<u>4.103.465.305</u>	<u>822.578.259</u>

**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả chủ yếu bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các dịch vụ tư vấn thiết kế và khảo sát cho các dự án dầu khí mà Tổng Công ty đang thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

**17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Cổ tức phải trả	3.456.593.678	8.737.073.289
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Kinh phí công đoàn	1.627.374.722	1.534.308.684
Quỹ tương trợ và ủng hộ	2.663.420.130	1.964.879.234
Các khoản khác	4.500.209.296	9.525.987.917
	<u>14.760.597.826</u>	<u>24.275.249.124</u>

Trong đó:

Bên thứ ba	12.247.597.826	6.293.453.987
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	2.513.000.000	17.981.795.137
	<u>14.760.597.826</u>	<u>24.275.249.124</u>

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tổng Công ty lập dự phòng bảo hành với tỷ lệ từ 1% đến 3% cho các dự án tư vấn thiết kế với thời hạn bảo hành 2 năm kể từ thời điểm dự án bàn giao. Khoản dự phòng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là giá trị hiện tại của chi phí ước tính mà Tổng Công ty phải trả để sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị trong thời gian bảo hành do chưa quyết toán hợp đồng.

03014  
 TỔNG C  
 VẤN T  
 DẦU  
 CÔNG  
 CỔ P  
 TP

NG  
 CH  
 TP

**19 VỐN CỔ PHẦN****(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**(b) Chi tiết vốn góp của cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 số 0301479273 ngày 4 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 250 tỷ đồng.

Chi tiết vốn góp của cổ đông như sau:

	<b>2014</b>		<b>2013</b>	
	<b>VNĐ</b>	<b>%</b>	<b>VNĐ</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	29,00	72.500.000.000	29,00
Technip Geoproduction Sdh Bhd	25.000.000.000	10,00	25.000.000.000	10,00
Ông Nguyễn Tiến Dũng	15.600.000.000	6,24	5.600.000.000	2,24
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	5,93	14.826.675.000	5,93
Ông Đỗ Đức Hiếu	11.496.690.000	4,60	21.496.690.000	8,60
Các cổ đông khác	110.576.635.000	44,23	110.576.635.000	44,23
	<u>250.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>250.000.000.000</u>	<u>100</u>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN**

**20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	5.902.424.923	7.366.191.762	17.301.010.842	293.591.481.754
Trích quỹ trong năm	-	-	-	1.000.000.000	865.050.542	(4.801.010.842)	(2.935.960.300)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	16.046.773.947	16.046.773.947
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	6.902.424.923	8.231.242.304	16.046.773.947	294.202.295.401
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	802.338.697	(3.546.773.947)	(2.744.435.250)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	22.251.195.047	22.251.195.047
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	6.902.424.923	9.033.581.001	34.751.195.047	313.709.055.198

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 5/NQ - ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty sẽ thực hiện phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 sau khi Tổng công ty và các bên đầu tư của dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower hoàn tất thủ tục ký kết phụ lục để thống nhất việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận (Thuyết minh 31).

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN**

**21 DOANH THU**

**(a) Doanh thu**

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	312.995.026.172	313.993.162.790
Doanh thu bán hàng	175.172.794.779	60.314.242.661
Doanh thu xây dựng, sửa chữa và lắp đặt	79.425.635.148	48.455.998.938
Doanh thu khác	4.506.025.765	2.664.983.037
	<u>572.099.481.864</u>	<u>425.428.387.426</u>

**(b) Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Lợi nhuận được chia (Thuyết minh 29(a))	720.000.000	1.740.000.000
Lãi tiền gửi	330.033.554	205.510.255
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.609.078	-
	<u>1.053.642.632</u>	<u>1.945.510.255</u>

**22 GIÁ VÓN**

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	176.535.079.649	65.814.420.321
Chi phí nhân viên	84.978.429.520	107.335.964.296
Chi phí khấu hao	2.596.253.363	3.316.104.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.693.787.505	109.958.251.975
Chi phí khác	38.625.971.346	60.460.746.570
	<u>486.429.521.383</u>	<u>346.885.487.454</u>

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Lãi tiền vay	16.895.091.935	10.728.929.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	60.245.345
Khác	617.635	1.468.075
	<u>16.895.709.570</u>	<u>10.790.642.881</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN**

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Chi phí lương	11.449.718.980	16.278.137.438
Chi phí thuê văn phòng	2.225.934.490	1.932.162.624
Chi phí khấu hao	911.877.376	1.586.469.603
Chi phí quản lý tòa nhà	3.018.617.255	2.870.078.640
Chi phí cải tạo văn phòng	2.936.255.984	2.936.255.984
Phụ cấp ăn trưa	3.017.023.740	2.619.942.000
Chi phí công tác	3.526.482.846	3.640.712.048
Chi phí nhiên liệu	2.066.488.495	2.133.425.821
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	1.723.906.618	-
Chi phí khác	19.387.480.305	16.114.990.414
	<u>50.263.786.089</u>	<u>50.112.174.572</u>

**25 THU NHẬP KHÁC**

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	8.454.803.753	-
Thu nhập khác	608.686.414	1.526.246.793
	<u>9.063.490.167</u>	<u>1.526.246.793</u>

**26 THUẾ**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 22% (2013: 25%) như sau:

	<b>2014 VNĐ</b>	<b>2013 VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.610.104.410	20.584.665.260
Thuế tính ở thuế suất 22% (2013: 25%)	6.294.222.970	5.146.166.315
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(158.400.000)	(435.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	223.086.393	190.279.299
Khác	-	(363.554.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>6.358.909.363</u>	<u>4.537.891.313</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể do đó không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

## 27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	187.174.616.697	76.145.282.104
Chi phí nhân công	98.833.059.386	124.184.445.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.577.064.562	3.938.786.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.525.752.676	127.218.352.384
Chi phí khác bằng tiền	68.439.120.364	69.951.244.445
	565.549.613.685	401.438.110.606

## 28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

## (a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

## (i) Rủi ro tiền tệ

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện các giao dịch bằng đồng Việt Nam nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của ngoại tệ không trọng yếu.

## (ii) Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 2% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ sẽ thấp/cao hơn 4,1 tỷ đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

## (iii) Rủi ro giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào các công ty con và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Chính sách của Tổng Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm VNĐ</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VNĐ</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm VNĐ</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	201.563.653.816	169.547.528	-
Các khoản vay	197.420.832.502	3.000.000.000	8.250.000.000
	<u>398.984.486.318</u>	<u>3.169.547.528</u>	<u>8.250.000.000</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	221.954.764.505	339.993.858	-
Các khoản vay	148.789.576.069	3.000.000.000	11.250.000.000
	<u>370.744.340.574</u>	<u>3.339.993.858</u>	<u>11.250.000.000</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN

29 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông lớn nhất của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Petro Việt Nam”), sở hữu 29% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch quan trọng sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<i>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	283.288.542.775	173.008.940.874
Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	154.586.724.256	80.060.469.621
Technip Geoproduction (M) Sdn Bhd	8.498.400.000	21.119.898.800
Công ty TNHH Technip Việt Nam	31.094.403.913	59.525.157.845
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Các công ty con	107.956.130.003	64.533.464.896
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	21.962.814.741	29.113.047.510
Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	1.566.440.156	-
Technip Geoproduction (M) Sdn Bhd	22.495.590.280	42.926.059.564
Công ty TNHH Technip Việt Nam	40.899.379.071	9.817.342.736
<i>iii) Lợi nhuận được chia (Thuyết minh 21(b))</i>		
Các công ty con	720.000.000	1.740.000.000
<i>iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương	2.266.881.069	2.425.471.727
Tiền thưởng	797.531.500	562.270.000
	3.064.412.569	2.987.741.727



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN**

**29 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty con	1.264.942.734	876.723.144
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	34.372.358.762	23.966.790.735
Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	11.824.519.022	1.416.860.852
Petro Việt Nam	-	93.971.676
Công ty TNHH Technip Việt Nam	-	14.843.292.141
	<u>47.461.820.518</u>	<u>41.197.638.548</u>
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)</b>		
Các công ty con	5.676.812.085	2.645.335.556
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	10.274.384.022	10.274.384.022
Petro Việt Nam	-	294.150.772
	<u>15.951.196.107</u>	<u>13.213.870.350</u>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Các công ty con	4.242.348.280	1.338.417.070
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	13.608.000	144.230.903
	<u>4.255.956.280</u>	<u>1.482.647.973</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	5.332.881.061	10.084.370.676
Công ty TNHH Technip Việt Nam	159.284.902	-
	<u>5.492.165.963</u>	<u>10.084.370.676</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09 – DN

**29 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 14)</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	65.964.999.644	55.075.632.604
Công ty TNHH Technip Việt Nam	28.840.292.662	-
Petro Việt Nam	-	146.551.029
Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	1.624.404.672	-
Các công ty con	2.738.127.654	5.600.662.561
	<u>99.167.824.632</u>	<u>60.822.846.194</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 17)</b>		
Petro Việt Nam	2.513.000.000	16.149.561.939
Các cổ đông khác	-	1.701.477.575
Công ty con	-	130.755.623
	<u>2.513.000.000</u>	<u>17.981.795.137</u>

**30 CAM KẾT BẢO LÃNH TÍN DỤNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại một ngân hàng thương mại (gọi tắt là "Bên cho vay") cho các công ty con của Tổng Công ty (gọi tắt là "Bên được bảo lãnh"). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho Bên cho vay trong trường hợp Bên được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ. Chi tiết các khoản bảo lãnh như sau:

	<b>Hạn mức</b>
	<b>bảo lãnh</b>
	<b>VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	20.000.000.000
	<u>70.000.000.000</u>



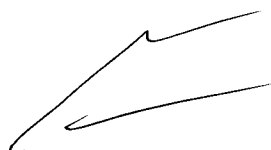
31 NỢ TIỀM TÀNG

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty và các đối tác trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” (“Dự án”) đã thảo luận xem xét lại hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“BCC”) (Thuyết minh 11) và đề xuất thay đổi phương án phân chia lợi nhuận sang phương án kết hợp phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu, chi phí.

Trong năm 2014, Tổng Công ty và PV Gas, nhà điều hành cao ốc, đã hoàn tất việc ký kết phụ lục hợp đồng thuê văn phòng để điều chỉnh giá thuê từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận chi phí thuê văn phòng năm 2014 vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phụ lục BCC để điều chỉnh phương án phân chia kết quả hoạt động của Dự án và phụ lục hợp đồng thuê văn phòng để điều chỉnh giá thuê năm 2013 vẫn chưa hoàn tất thủ tục ký kết giữa Tổng Công ty và các đối tác. Do đó, Tổng Công ty có thể phát sinh một khoản nợ tiềm tàng là khoản chênh lệch giữa tiền thuê văn phòng 6 tháng cuối năm 2013 phải trả cho PV Gas và phần lợi nhuận được chia từ việc hợp tác kinh doanh Dự án với số tiền ước tính là 7,2 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận và giá thuê năm 2013 sẽ được thực hiện trong năm 2015, theo đó Tổng Công ty không phải thanh toán thêm cho PV Gas và do đó chưa lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

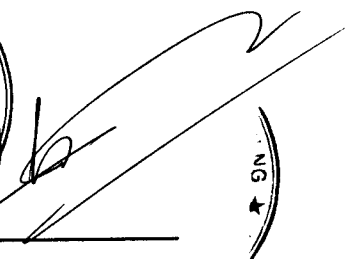
Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 3 tháng 4 năm 2015.



Lê Quang Thắng  
Người lập



Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc